

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐
 Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đặng Trương Thanh Nhân
 2. Ngày tháng năm sinh: 08/11/1990; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;
 Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
 3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
 4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.
 5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 180 Trần Văn Dư, phường 13, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
 6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, 56 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0912097489;
 E-mail: nhandtt@hub.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
Từ năm 2015 đến 2016	Giảng viên tập sự, Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

Từ năm 2016 đến năm 2022	Giảng viên, Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh
Từ năm 2022 đến nay	Trưởng Bộ môn Quản trị, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn Quản trị ; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn Quản trị (theo quyết định bổ nhiệm số 275/QĐ-ĐHNH, ngày 15/02/2022).

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Quản trị, khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Ngân hàng TPHCM.

Địa chỉ cơ quan: 56 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (028) 38971639

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 11 năm 2011; số văn bằng: 1110493; ngành: Kinh doanh, chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học quốc tế RMIT, Úc.

- Được cấp bằng ThS ngày 23 tháng 11 năm 2013; số văn bằng: 1317446; ngành: Quản trị kinh doanh; chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học quốc tế RMIT Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 10 năm 2021; số văn bằng: 2115299; ngành: Quản trị; chuyên ngành: Quản trị; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học quốc tế RMIT Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(a) Quản trị nguồn nhân lực (Human resource management)

- Hướng dẫn cao học:

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự Mẫu 1, mục 4: [2]

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: 02

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 5: [1], [2]

- Đề tài khoa học các cấp:

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 6: [1]

- Bài báo và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: 13

+ Số thứ tự trong Mẫu 1, Mục 7.1: [1], [2], [3], [4], [5], [13], [14], [15], [16], [17], [26], [27], [30]

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính (sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ):

+ Số lượng: 5

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 7.1: [13], [14], [15], [16], [17].

(b) Hướng nghiên cứu 2: Hành vi (Hành vi người tiêu dùng và hành vi tổ chức – Consumer behavior and organizational behavior)

- Hướng dẫn cao học:

+ Số lượng: 00

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 5: [1]

- Đề tài khoa học các cấp:

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 6: [2]

- Bài báo và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: 12

+ Số thứ tự trong Mẫu 1, Mục 7.1: [6], [7], [18], [19], [20], [21], [22], [28], [29], [31], [32], [33]

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính (sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ):

+ Số lượng: 04

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 7.1: [19], [20], [21], [22]

(c) Hướng nghiên cứu 3: Phát triển kinh doanh bền vững (Sustainable business development)

- *Hướng dẫn cao học:*

+ Số lượng: 01.

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 4: [1]

- *Sách phục vụ đào tạo:*

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 5: [2]

- *Đề tài khoa học các cấp:*

+ Số lượng: 00

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

+ Số lượng: 17

+ Số thứ tự trong Mẫu 1, Mục 7.1: [8], [9], [10], [11], [12], [23], [24], [25], [34], [35], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [42]

Trong đó, báo cáo quốc tế uy tín là tác giả chính (sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ):

+ Số lượng: 02

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục 7.1: [24], [25].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn (đề án tốt nghiệp) ThS.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài NCKH cấp bộ và 1 đề tài NCKH cấp cơ sở;

- Đã công bố 42 bài báo/báo cáo khoa học, trong đó là tác giả chính/tác giả liên hệ của 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (sau khi tốt nghiệp tiến sĩ).

- Số lượng sách (tham gia biên soạn): đã xuất bản 02 sách.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2019-2020 và 2023-2024; Quyết định khen đạt thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo chất lượng giai đoạn 2022-2024; Khen thưởng về thành tích xuất sắc trong công tác Nghiên cứu khoa học năm 2024; Human Resource Management – Best Full Paper Award BAM2021; AGBA’s 2024 Best Paper Certificate.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về phẩm chất đạo đức: Ứng viên luôn không ngừng rèn luyện, giữ vững bản lĩnh và phẩm chất chính trị; phẩm chất đạo đức tốt; luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Ứng viên luôn coi trọng và giữ gìn phẩm chất, tác phong của nhà giáo; sống hòa đồng, thân thiện và đoàn kết với đồng nghiệp; cư xử đúng mực với học viên, sinh viên.

- Về công tác giảng dạy: Ứng viên luôn có sự nỗ lực trong việc trau dồi kiến thức, kỹ năng, phương pháp sư phạm và phương pháp nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu của một giảng viên đại học. Theo sự phân công của Nhà trường, Khoa và Bộ môn, ứng viên tham gia giảng dạy ở bậc đại học và sau đại học. Ở bậc đại học, ứng viên giảng dạy các học phần Quản trị nguồn nhân lực, Hành vi tổ chức, Truyền thông kinh doanh, Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số, và các học phần này đều được giảng dạy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Ở bậc sau đại học, ứng viên giảng dạy học phần Thương mại điện tử và kinh doanh số. Ứng viên luôn có nỗ lực trong việc cập nhật nội dung, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Về nghiên cứu khoa học: Ứng viên dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ KH&CN được Trường, Khoa, Bộ môn giao phó; chủ động tìm tòi và nghiên cứu các hướng mới. Ứng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án, hướng dẫn học viên cao học thực hiện luận văn, đề án và hướng dẫn sinh viên thực hiện khoá luận cũng như đề tài NCKH để tham gia hội thảo, hội nghị. Ứng viên cũng hướng tới việc công bố các công trình khoa học trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước. Ứng viên đã công bố được 42 công trình khoa học, trong đó là tác giả chính/tác giả liên hệ của 11 công trình trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Ứng viên đã tích cực tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp trong đó là chủ trì 1 đề tài cấp bộ và 1 đề tài cấp cơ sở được bảo vệ thành công.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 09 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	0	3	390	0	390/408/270
2	2020-2021	0	0	0	3	210	0	210/210/135
3	2021-2022	0	0	0	3	471	0	471/529.5/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	3	02	3	411	0	411/528/216
5	2023-2024	1	3	01	4	366	30	396/396/216
6	2024-2025	1	3	02	4	375	30	405/522/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Hải Phòng; số bằng: THP.B/003772; năm cấp: 2022

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Viện đào tạo Quốc tế, trường Đại học Ngân Hàng TP.HCM và Chương trình Tiếng Anh Bán Phần (chính quy chất lượng cao), trường Đại học Ngân Hàng TP.HCM.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Được cấp bằng ĐH ngày 21 tháng 04 năm 2022; số văn bằng: THP.B/003772; năm cấp: 2022; ngành: Ngôn ngữ Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Hải Phòng.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Mộng Thoa		X	X		2023-2024	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Ngày cấp bằng 10/10/2024, số vào sổ cấp bằng 111/2024/QTK D/246, số hiệu M02111
2	Hồ Thị Thuý Trang		X	X		2023-2024	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Ngày cấp bằng 03/12/2024, số vào sổ cấp bằng 173/2024/QTK D/262, số hiệu M02173

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Trao quyền lãnh đạo trong dịch vụ tài chính	CK	Nhà xuất bản Kinh Tế TP.HCM, năm xuất bản: 2020	3	Thành viên	Biên soạn chương 1, từ trang 15 đến trang 34	Giấy Xác nhận số 643/GXN-ĐHNH ngày 13/5/2025
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Quản trị hiện đại và đổi mới sáng tạo	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, năm xuất bản: 2022	4	Thành viên	Biên soạn chương 1, từ trang 1 đến trang 39	Giấy Xác nhận số 642/GXN-ĐHNH ngày 13/5/2025

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Quản trị tài năng trong các ngân hàng thương mại cổ phần Nhà nước tại Việt Nam.	CN	ĐTNH.031/22 Cấp Bộ	28/12/2022- 28/12/2023	278/QĐ-NHNN Nghiệm thu ngày 26/02/2024 Đạt loại Giỏi
2	Những yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách du lịch nội địa đến thành phố Hồ Chí Minh: Vai trò trung gian của sự hài lòng	CN	CT-2409-15 Cấp cơ sở	9/2024 - 4/2025	1077/QĐ-ĐHNH Nghiệm thu ngày 14/04/2025 Đạt loại Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1.1	Hướng nghiên cứu 1: Quản trị nguồn nhân lực							
1	Talent Conceptualization and Talent Management Within The Banking Sector in Southern Vietnam	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	34th International Business Information Management Association Conference (ISBN: 978-0-9998551-3-3)			87-97	11/2019
2	The Conceptualization of Talent and Talent Management within The Banking Sector in Southern Vietnam	4	Tác giả chính và tác giả liên hệ	The Journal of Organizational Management Studies (ISSN: 2166-0816)		6	2020 (2020) 963281	03/2020
3	Talent Conceptualization and Talent Management Approaches in the Vietnamese Banking Sector	5	Tác giả chính	Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637 (Print) – ISSN: 2288-4645 (Online)	Scopus Q2	22	7 (7) 453-462	06/2020
4	The Impact of Human Resource Management Activities on the Compatibility and Work Results	3		Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637 (Print) – ISSN: 2288-4645 (Online)	Scopus Q2	56	7 (9) 621-629	08/2020

5	Talent Management in Vietnam: Significant multi-level challenges in the context of extended Covid-19 pandemic	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	British Academy of Management 2021 (BAM 2021): Recovering from Covid: Responsible Management and Reshaping the Economy (ISBN: 978-0-9956413-4-1)			Số 168	09/2021
1.2 Hướng nghiên cứu 2: Hành vi (Hành vi người tiêu dùng và hành vi tổ chức)								
6	Ứng dụng mô hình TAM trong việc nâng cao ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng số	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)			Số 183 63-72	06/2021
7	Chất lượng dịch vụ và lòng trung thành của khách hàng trong hoạt động logistics tại Thành phố Hồ Chí Minh	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)			Số 185 83-99	08/2021
1.3 Hướng nghiên cứu 3: Phát triển kinh doanh bền vững								
8	The Impact of Income Diversification on Profitability and Risk of Commercial Banks: Cases of Vietnam	3		International Journal of Applied Business and Economic Research (ISSN: 0972-7302)	Scopus Q2		15 (11) 123-137	01/2017
9	Measuring Internal Factors Affecting the Competitiveness of Financial Companies: The Research Case in Vietnam	2	Tác giả liên hệ	Beyond Traditional Probabilistic Methods in Economics - Studies in Computational Intelligence ISBN: 978-3-030-04199-1 (Print) – ISSN: 978-3-030-04200-4 (Online)	Scopus	2	Tập 809 596-605	11/2018
10	Blockchain - Công nghệ tài chính trong tương lai phát triển bền vững của lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Hội thảo Khoa học quốc gia “Hệ thống Tài chính – Ngân hàng với sự phát triển kinh tế - xã hội miền Trung			144-155	07/2020

				– Tây Nguyên trong bối cảnh cách mạng công nghệ”– DCFB 2020 (ISBN: 978-604-84-5312-1)				
11	Giải pháp marketing cho ngành du lịch Việt Nam trong bối cảnh hồi phục hậu đại dịch Covid-19	2		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)			Số 174 27-38	09/2020
12	Phát triển du lịch Đà Nẵng vượt qua thách thức của đại dịch Covid-19	3		Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)			Số 174 94-105	09/2020
II Sau khi được công nhận TS								
A Tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus								
1.1 Hướng nghiên cứu 1: Quản trị nguồn nhân lực								
13	Emergent Talent Management Model and Industry Toolkit During a Pandemic–An Investigation in the Vietnamese Banking Sector	4	Tác giả chính	WSEAS Transaction on Computer Research (ISSN: 2415-1521)	Scopus Q4	1	Tập 11 117-134	07/2023
14	Multi-level challenges in talent management in a post COVID-19 future: Examining the banking sector in Vietnam	4	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Cogent Business & Management (ISSN: 2331-1983)	Scopus Q2	7	10(3) 2251198	08/2023
15	Challenges and solutions for human resource development activities of the FPT Group in the age of digital technology	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Multidisciplinary Science Journal (ISSN: 2675-1240)	Scopus Q4		7 (4) 2025152	10/2024
16	Talent management and digital transformation: empirical investigation in the Vietnamese banking sector	3	Tác giả chính	Journal for Global Business Advancement (JGBA) ISSN: 1746-966X (Print) – ISSN: 1746-9678 (Online)	Scopus Q4		16 (5) 712-735	04/2025

17	Factors influencing talent retention: A case study of Techcombank in Vietnam	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Multidisciplinary Science Journal (ISSN: 2675-1240)	Scopus Q4		7 (12) 2025590	6/2025
1.2 Hướng nghiên cứu 2: Hành vi (Hành vi người tiêu dùng và hành vi tổ chức)								
18	The Impact of Logistics Services on Customer Satisfaction: An Empirical Study in the COVID 19 Pandemic	5		Journal Of Organizational Behavior Research (ISSN: 2528-9705)	Scopus, ESCI	3	8 (1) 12-24	3/2023
19	Understanding the moderating role of trust on continuance intention towards smartphone banking services: empirical evidence from Vietnam	4	Tác giả chính	Journal for International Business and Entrepreneurship Development ISSN: 1549-9324 (Print) – ISSN: 1747-6763 (Online)	Scopus Q2, ESCI	2	16 (1) 4-33	06/2024
20	Satisfaction and green finance continuance behaviour at Ho Chi Minh City commercial bank	2	Tác giả chính	Journal of Infrastructure, Policy and Development ISSN: 2572-7923 (Print) – ISSN: 2572-7931 (Online)	Scopus Q2		8 (9) 8079	09/2024
21	The role of public policy, CSR and customer engagement towards green banking at commercial banks in Ho Chi Minh City	2	Tác giả chính	Journal of Management World (ISSN: 2994-3191)	Scopus		2024 (3) 110-119	09/2024
22	The roles of user adaptation and trust in fostering continuance intention toward mobile banking: an extended decomposed theory of plan behavior	1	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Multidisciplinary Science Journal (ISSN: 2675-1240)	Scopus Q4	1	7 (6) 2025290	11/2024
1.3 Hướng nghiên cứu 3: Phát triển kinh doanh bền vững								

23	The impact of accessible capital on labor growth of small and medium enterprises in Vietnam	3		International Journal of Advanced and Applied Sciences ISSN: 2313-626X (Print) – ISSN: 2313-3724 (Online)	Scopus Q4, ESCI		10 (4) 32-43	01/2023
24	The Role of Public Policy in Promoting the Competitive Capacity of Tourism Enterprises	1	Tác giả chính và tác giả liên hệ	International Journal of Advanced and Applied Sciences ISSN: 2313-626X (Print) – ISSN: 2313-3724 (Online)	Scopus Q3, ESCI		11 (11) 209-218	11/2024
25	The relationship between big data analytics and financial performance within the Vietnamese banking sector	3	Tác giả chính	International Journal of Advanced and Applied Sciences ISSN: 2313-626X (Print) – ISSN: 2313-3724 (Online)	Scopus Q3, ESCI		12 (1) 242-255	01/2025
B Tạp chí quốc tế khác								
2.1 Hướng nghiên cứu 1: Quản trị nguồn nhân lực								
2.2 Hướng nghiên cứu 2: Hành vi (Hành vi người tiêu dùng và hành vi tổ chức)								
2.3 Hướng nghiên cứu 3: Phát triển kinh doanh bền vững								
C Tạp chí trong nước								
3.1 Hướng nghiên cứu 1: Quản trị nguồn nhân lực								
26	Thách thức đối với hoạt động quản trị tài năng: Nghiên cứu thực nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam	2	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)		1	Số 207 110-123	06/2023
27	Quản trị tài năng trong bối cảnh chuyển đổi số: Khung lý thuyết đề xuất cho các ngân hàng thương mại tại Việt Nam	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)			Số 226 129-143	01/2025

3.2 Hướng nghiên cứu 2: Hành vi (Hành vi người tiêu dùng và hành vi tổ chức)								
28	Những yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách du lịch nội địa đến thành phố Hồ Chí Minh: Vai trò trung gian của sự hài lòng	4	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)			Số 223 77-92	10/2024
29	Ảnh hưởng của lãnh đạo và văn hóa doanh nghiệp đến quyết định đầu tư – Trường hợp các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	1	Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á (ISSN: 2615-9813)			Số 229 128-144	04/2025
3.3 Hướng nghiên cứu 3: Phát triển kinh doanh bền vững								
D Hội thảo quốc tế và hội thảo quốc gia								
4.1 Hướng nghiên cứu 1: Quản trị nguồn nhân lực								
30	Talent management during a global pandemic – An emergent toolkit for the Vietnamese banking industry	3	Tác giả chính và tác giả liên hệ	British Academy of Management (BAM 2022) Conference Proceedings (ISBN: 978-0-9956413-5-8)			Số 209	09/2022
4.2 Hướng nghiên cứu 2: Hành vi (Hành vi người tiêu dùng và hành vi tổ chức)								
31	Important Negotiation Behaviours in Entrepreneurs' New Product Launching Stage During Post-Covid-19 Era	3		Business Innovation for the Post-pandemic Era in Vietnam for the Post-pandemic Era in Vietnam ISBN: 978-981-99-1544-6 (Print) – ISBN: 978-981-99-1545-3 (Online)	Scopus		13-23	05/2023
32	Impact of Managers' Gender Difference on Firms' Liability in Vietnam	4		Optimal Transport Statistics for Economics and Related Topics	Scopus		Tập 483 498-512	10/2023

				- Studies in Systems, Decision and Control ISBN: 978-3-031-35762-6 (Print) - ISBN 978-3-031-35763-3 (Online)				
33	Factors influencing trust in community and purchase intention in social commerce: A case study in fashion industry in Vietnam.	3		The International Conference on Business Based on Digital Platform (BDP-4) (ISBN: 978-604-79-4611-2)			480-495	11/2024
4.3 Hướng nghiên cứu 3: Phát triển kinh doanh bền vững								
34	Business models applied in the digital age in Vietnam	2	Tác giả chính	The International Conference on Digital Transformation and Digital Economics: Principles and Practice (ISBN: 978-604-80-5941-5)			99-114	12/2021
35	The Role of Liability in Managing Financial Performance: The Investigation in the Vietnamese SMEs Context	3	Tác giả chính	Financial Econometrics: Bayesian Analysis, Quantum Uncertainty, and Related Topics - Studies in Systems, Decision and Control ISBN: 978-3-030-98688-9 (Print) – ISBN: 978-3-030-98689 -6 (Online)	Scopus		Tập 427 387-404	05/2022
36	The impact of Covid 19 Pandemic on the Vietnamese logistic sector	2	Tác giả liên hệ	International Conference on Business and Finance (ISBN: 978-604-36-0956-1)			1044-1056	08/2022

37	Challenges for entrepreneurs in Vietnam within the context of the post-Covid recovery	4	Tác giả chính và tác giả liên hệ	41st IBIMA Business, Marketing, Management, and Human Resources Conference (ISSN: 2767-9640)			838-848	06/2023
38	Determinants of Small and Medium Enterprises' Capital Intensity: The Case in Vietnam	3	Tác giả chính	Optimal Transport Statistics for Economics and Related Topics - Studies in Systems, Decision and Control ISBN: 978-3-031-35762-6 (Print) – ISBN: 978-3-031-35763-3 (Online)	Scopus		Tập 483 264-273	10/2023
39	Factors Affecting the Financial Leverage of Vietnam Businesses	4		Optimal Transport Statistics for Economics and Related Topics - Studies in Systems, Decision and Control ISBN: 978-3-031-35762-6 (Print) – ISBN: 978-3-031-35763-3 (Online)	Scopus		Tập 483 667-675	10/2023
40	Labor Productivity: Does Export Matter for Vietnamese Small and Medium Enterprises?	3	Tác giả chính	Optimal Transport Statistics for Economics and Related Topics - Studies in Systems, Decision and Control ISBN: 978-3-031-35762-6 (Print) – ISBN: 978-3-031-35763-3 (Online)	Scopus		Tập 483 274-285	10/2023
41	Factors Affecting the Credit Growth of	4		Partial Identification in	Scopus		Tập 531	07/2024

	Vietnamese Commercial Banks in the Post-global Economic Crisis			Econometrics and Related Topics - Studies in Systems, Decision and Control ISBN: 978-3-031-59109-9 (Print) – ISBN: 978-3-021-59110-5 (Online)			577-586	
42	The Effect of Firm Size on Its Productivity: Evidence from Vietnamese Small and Medium Enterprises	4	Tác giả chính	Partial Identification in Econometrics and Related Topics - Studies in Systems, Decision and Control ISBN: 978-3-031-59109-9 (Print) – ISBN: 978-3-021-59110-5 (Online)	Scopus		Tập 531 605-618	07/2024

- Trong đó: 11 bài báo, có các số thứ tự **13, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 24, 25** đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín SSCI/SCIE/ESCI/SCOPUS mà ứng viên là tác giả đầu/tác giả liên hệ sau khi được cấp bằng tiến sĩ.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh chính quy chất lượng cao (Tiếng Anh bán phần)	Phó trưởng ban	Số 480/QĐ-ĐHNH, ngày 28 tháng 2 năm 2024	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số: 2069/QĐ-ĐHNH, ngày 2 tháng 7 năm 2024.	
2	Quản trị kinh doanh chính quy chuẩn	Tham gia	Số 474/QĐ-ĐHNH, ngày 28 tháng 2 năm 2024	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quyết định số 2068/QĐ-ĐHNH, ngày 2 tháng 7 năm 2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đặng Trương Thanh Nhân